

VAI TRÒ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

LÊ XUÂN PHƯƠNG

Trường Đại học Công Đoàn

Trade Union University

Tác giả liên hệ - Email: lexuanphuong.qtkd@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/7/2026

Ngày sửa bài: 17/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 27/8/2026

Tóm tắt:

Hiện nay, công nghệ trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) đang mở ra những phương thức mới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đổi mới sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tuy nhiên, để chuyển hóa tiềm năng của công nghệ này thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động (NSLĐ) đòi hỏi hệ giải pháp đồng bộ. Bài viết tập trung phân tích vai trò của AI như một động lực mới thúc đẩy tăng NSLĐ ở Việt Nam, làm rõ những thuận lợi và khó khăn trong quá trình ứng dụng công nghệ này. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy ứng dụng AI, qua đó góp phần nâng cao NSLĐ của Việt Nam trong bối cảnh mới.

Từ khóa: động lực tăng trưởng, năng suất lao động, kỷ nguyên mới, trí tuệ nhân tạo

The role of artificial intelligence in enhancing labor productivity in Vietnam

Abstract:

Artificial intelligence (AI) is opening up new approaches to improving resource efficiency, transforming production and business activities, and enhancing the quality of economic growth. However, translating the potential of this technology into a driver of labor productivity growth requires a coordinated set of solutions. This study examines the role of AI as a new driver of labor productivity growth in Vietnam and identifies the opportunities and challenges associated with its application. On this basis, the study proposes several measures to promote AI adoption, thereby contributing to higher labor productivity in Vietnam in the emerging development context.

Keywords: growth drivers, labor productivity, new era, artificial intelligence

1. Đặt vấn đề

Nâng cao NSLĐ hiện là yêu cầu quan trọng nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam. Trong bối cảnh các động lực tăng trưởng truyền thống đang dần bộc lộ những hạn chế, việc ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là AI, có thể tạo ra động lực mới cho tăng NSLĐ. Tuy nhiên, quá trình chuyển hóa tiềm năng của AI thành kết quả thực tế vẫn phụ thuộc vào nhiều điều kiện về công nghệ, nguồn nhân lực, năng lực quản trị và môi trường thể chế. Do đó, việc nghiên cứu tác động của AI đối với NSLĐ ở Việt Nam có ý nghĩa thiết thực cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Nghiên cứu về tác động AI đối với NSLĐ đang phát triển nhanh theo một số hướng chủ yếu. (1) tiếp cận AI như một công nghệ nền tảng có khả năng tác động rộng khắp đến NSLĐ. OECD cho rằng AI có những đặc tính của một công nghệ có mục đích sử dụng chung (General-Purpose Technology), có khả năng thúc đẩy năng suất thông qua tự động hóa, nâng cao năng lực nhận thức, cải thiện quá trình ra quyết định và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, mức độ hiện thực hóa các lợi ích này phụ thuộc đáng kể vào tốc độ phổ cập công nghệ, năng lực hấp thụ của doanh nghiệp và các điều kiện thể chế, xã hội đi kèm (OECD, 2024). (2) nghiên cứu cơ chế tác động trực tiếp của AI đến NSLĐ ở cấp độ công việc và doanh nghiệp. OECD nhận định AI tạo sinh có thể đồng thời tự động hóa một số nhiệm vụ, bổ trợ năng lực của người lao động, thúc đẩy sáng tạo và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp. (OECD, 2025). (3) nghiên cứu theo hướng kinh tế học lao động và mô hình nhiệm vụ nhấn mạnh tác động hai chiều của AI và tự động hóa. Acemoglu và Restrepo cho rằng, công nghệ có thể tạo ra “hiệu ứng thay thế”, khi máy móc thực hiện những nhiệm vụ trước đây do con người đảm nhiệm; đồng thời tạo ra “hiệu ứng năng suất” và “hiệu ứng tái tạo nhiệm vụ”, thông qua việc xuất hiện những hoạt động mới mà lao động có lợi thế so sánh. AI có thể làm tăng năng suất nhưng không đồng nghĩa một cách tất yếu với việc gia tăng việc làm hoặc cải thiện đồng đều thu nhập của mọi nhóm lao động (Daron Acemoglu & Pascual Restrepo, 2019).

Đối với Việt Nam, nghiên cứu về AI thời gian qua chủ yếu tập trung vào xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng AI gắn với chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực. Một số báo cáo của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) đã phân tích sự phát triển của hệ sinh thái công nghệ, đổi mới sáng tạo và tiềm năng của AI đối với nền kinh tế Việt Nam. Các nghiên cứu khác tập trung đánh giá tác động của AI đến việc làm, cơ cấu nghề nghiệp và yêu cầu nâng cao năng lực thích ứng của nguồn nhân lực. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về AI với tư cách là một động lực trực tiếp thúc đẩy tăng NSLĐ vẫn còn hạn chế. Đây là khoảng trống mà bài viết hướng tới làm rõ.

2.2. Cơ sở lý thuyết của nghiên cứu

Lý thuyết tăng trưởng dựa trên tiến bộ khoa học - công nghệ và tăng trưởng nội sinh. Theo lý thuyết này, AI có thể được xem là một hình thức phát triển mới của tiến bộ công nghệ, tác động đến năng suất thông qua việc nâng cao hiệu quả kết hợp các yếu tố sản xuất, giảm chi phí thông tin, nâng cao chất lượng quản trị và thúc đẩy đổi mới.

Lý thuyết về công nghệ có mục đích sử dụng chung (General-Purpose Technology). Lý thuyết này cho rằng những công nghệ nền tảng có khả năng được ứng dụng rộng rãi, liên tục được cải tiến và tạo ra các đổi mới bổ trợ trong nhiều lĩnh vực có thể tạo ra những biến đổi sâu sắc về năng suất và cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, tác động đến NSLĐ thường không diễn ra tức thời mà phụ thuộc vào quá trình đầu tư bổ sung về hạ tầng, dữ liệu, kỹ năng và đổi mới tổ chức. Điều này cho phép lý giải vì sao cùng một công nghệ AI nhưng hiệu quả đối với NSLĐ có thể khác nhau giữa các quốc gia, ngành và doanh nghiệp.

Lý thuyết tiếp cận dựa trên nhiệm vụ (task-based approach). Theo Acemoglu và Restrepo, sự phát triển

của AI có thể làm thay đổi sự phân công này theo 3 hướng cơ bản: thay thế con người trong một số nhiệm vụ; bổ trợ, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của con người; và tạo ra những nhiệm vụ, hoạt động mới. Hiệu quả cuối cùng phụ thuộc vào khả năng chuyển dịch lao động sang những nhiệm vụ có giá trị gia tăng cao hơn và khả năng kết hợp hiệu quả giữa con người với công nghệ (Daron Acemoglu & Pascual Restrepo, 2019).

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp tổng quan tài liệu và phân tích, tổng hợp. Đồng thời, sử dụng phương pháp logic - lịch sử, so sánh, đối chiếu để nhận diện xu hướng phát triển AI, phân tích cơ chế tác động đến NSLĐ và xem xét những vấn đề của Việt Nam. Từ đó, các nhận định và đề xuất được xây dựng theo hướng gắn kết giữa cơ sở lý luận, kinh nghiệm nghiên cứu quốc tế và điều kiện thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. AI - động lực mới thúc đẩy tăng NSLĐ ở Việt Nam

Thực tế cho thấy, tác động của AI đối với NSLĐ không chỉ thể hiện ở việc giảm thời gian và chi phí thực hiện công việc mà còn ở khả năng nâng cao chất lượng lao động, cải thiện hiệu quả quản trị và tạo ra các phương thức tổ chức sản xuất, kinh doanh mới. Ở cấp độ doanh nghiệp, AI góp phần tăng NSLĐ thông qua tự động hóa và tối ưu hóa các nhiệm vụ lao động. Theo World Bank, AI có tiềm năng thúc đẩy năng suất, mở rộng thị trường và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ, song hiệu quả phụ thuộc trực tiếp vào các nền tảng về hạ tầng số, năng lực tính toán, dữ liệu và kỹ năng số (World Bank, 2025).

Đối với Việt Nam, nhu cầu tìm kiếm những động lực mới để thúc đẩy tăng NSLĐ ngày càng trở nên cấp thiết. Năm 2025, NSLĐ của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 245,0 triệu đồng/lao động, tương đương 9.809 USD/lao động, tăng 626 USD so với năm 2024 (Cục Thống kê, 2025). Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới vẫn là phải tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ hơn về NSLĐ, bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng trong dài hạn. Trong bối cảnh đó, việc đẩy mạnh ứng dụng AI có ý nghĩa quan trọng, góp phần tạo động lực mới cho tăng NSLĐ của Việt Nam. AI có thể tạo động lực cho tăng NSLĐ thông qua các cơ chế: nâng cao NSLĐ của từng người lao động thông qua việc hỗ trợ tìm kiếm, xử lý thông tin, phân tích dữ liệu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; nâng cao NSLĐ của doanh nghiệp thông qua tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản trị chuỗi cung ứng, dự báo thị trường và cá nhân hóa sản phẩm, dịch vụ; thúc đẩy đổi mới mô hình kinh doanh và tổ chức sản xuất, tạo ra những ngành nghề, sản phẩm và phương thức tạo giá trị mới.

Trên thực tế, nền tảng cho quá trình ứng dụng và phát triển AI ở Việt Nam đang từng bước được củng cố và hoàn thiện. Năm 2025, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP ước đạt 14,02%, tương đương khoảng 72,1 tỷ USD; quy mô giá trị tăng thêm của kinh tế số tăng 18,4% theo giá hiện hành và tăng khoảng 11,8% theo giá so sánh so với năm 2024 (Cục Thống kê, 2026a). Sự phát triển nhanh của kinh tế số và công nghiệp công nghệ số không chỉ tạo dựng nền tảng về hạ tầng, công nghệ và thị trường mà còn thúc đẩy quá trình hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện quan trọng để đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, qua đó khai thác AI như một động lực mới nâng cao NSLĐ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam.

3.2. Thuận lợi và khó khăn trong ứng dụng AI nhằm tăng năng suất lao động ở Việt Nam

*** Những thuận lợi cơ bản**

Việt Nam đã hình thành ngày càng đầy đủ, đồng bộ hệ thống chủ trương, chiến lược và khuôn khổ pháp lý tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, qua đó thúc đẩy nâng cao NSLĐ. Trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân

tạo đến năm 2030. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số; Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Trí tuệ nhân tạo... Đây là điều kiện chính trị - pháp lý và thể chế quan trọng để AI được ứng dụng ngày càng sâu rộng, qua đó tạo động lực mới thúc đẩy tăng NSLĐ ở Việt Nam.

Hạ tầng và hệ sinh thái số của Việt Nam đang phát triển nhanh, tạo tiền đề quan trọng cho AI. Chuyển đổi số đang được thúc đẩy trong cả khu vực công và khu vực doanh nghiệp; dữ liệu số từng bước trở thành một yếu tố đầu vào của hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhu cầu và mức độ ứng dụng AI trong doanh nghiệp Việt Nam đang gia tăng nhanh, từng bước chuyển AI từ một công nghệ mang tính thử nghiệm thành công cụ tạo giá trị kinh tế trực tiếp. Theo nghiên cứu “Unlocking Vietnam’s AI Potential” năm 2025, khoảng 170.000 doanh nghiệp Việt Nam, tương đương 18% tổng số doanh nghiệp, đã ứng dụng AI, tăng từ mức 13% của năm trước, tương ứng tốc độ tăng khoảng 39%; riêng trong năm 2024 đã có khoảng 47.000 doanh nghiệp bắt đầu áp dụng các giải pháp AI (Amazon News, 2025). Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để AI trở thành một trong những động lực mới thúc đẩy tăng NSLĐ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Việt Nam có lực lượng lao động quy mô lớn, đồng thời thị trường số và quá trình chuyển đổi số đang phát triển nhanh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ cập và ứng dụng các công nghệ mới, đặc biệt là AI. Năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước đạt khoảng 53,5 triệu người, tăng 589,5 nghìn người so với năm 2024; số lao động có việc làm đạt khoảng 52,4 triệu người, tăng 578,3 nghìn người, tương ứng tăng 1,1%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 29,2%, tăng 0,8 điểm phần trăm so với năm trước (Cục Thống kê, 2026b). Đây là một lợi thế quan trọng của Việt Nam trong quá trình tiếp nhận, phổ cập và ứng dụng AI.

Bên cạnh những thuận lợi, quá trình ứng dụng AI nhằm tăng NSLĐ ở Việt Nam vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn.

Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam vẫn chưa theo kịp đầy đủ yêu cầu của quá trình phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Năm 2025 còn khoảng 70% lực lượng lao động chưa có bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, phản ánh dư địa rất lớn trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thích ứng với những yêu cầu mới của thị trường lao động (Cục Thống kê, 2026c). Năng lực hấp thụ công nghệ giữa các doanh nghiệp còn không đồng đều. Các doanh nghiệp lớn có điều kiện về vốn, dữ liệu và nhân lực có khả năng tiếp cận AI nhanh hơn, trong khi nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn trong đầu tư công nghệ, xác định bài toán ứng dụng và tổ chức lại quy trình sản xuất. Hạ tầng dữ liệu, năng lực tính toán và khả năng làm chủ công nghệ AI vẫn cần tiếp tục được củng cố. World Bank chỉ ra, khoảng cách về kết nối, năng lực tính toán, dữ liệu phù hợp với điều kiện địa phương và kỹ năng số là những rào cản lớn đối với việc khai thác AI một cách bao trùm (World Bank, 2025). Thể chế và quản trị AI cần tiếp tục hoàn thiện để theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Những vấn đề như bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư, trách nhiệm đối với quyết định do AI hỗ trợ, đạo đức AI và quản trị rủi ro cần được giải quyết đồng bộ để tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng công nghệ.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong tăng NSLĐ ở Việt Nam thời gian tới

Một là, hoàn thiện thể chế và xây dựng môi trường thuận lợi cho phát triển, ứng dụng AI. Trọng tâm là xây dựng hành lang pháp lý phù hợp đối với dữ liệu, bảo vệ thông tin, trách nhiệm của các chủ thể sử dụng AI và quản trị các rủi ro phát sinh. Việc hoàn thiện thể chế phải bảo đảm đồng thời 2 yêu cầu: khuyến khích đổi mới sáng tạo và kiểm soát hiệu quả các rủi ro.

Hai là, phát triển nguồn nhân lực theo hướng nâng cao năng lực sử dụng và làm việc cùng AI. Cần chuyển mạnh từ đào tạo kỹ năng công nghệ đơn lẻ sang phát triển năng lực sử dụng AI để giải quyết các vấn đề thực tiễn, nâng cao hiệu quả công việc và tạo ra giá trị mới. Triển khai đồng thời ba cấp độ đào tạo:

phát triển đội ngũ chuyên gia và nhân lực AI chất lượng cao; đào tạo kỹ năng AI cho lực lượng lao động trong các ngành, lĩnh vực; phổ cập những kỹ năng AI cơ bản cho xã hội.

Ba là, thúc đẩy ứng dụng AI theo hướng giải quyết các “bài toán năng suất” cụ thể của doanh nghiệp. Việc ứng dụng AI cần xuất phát từ các lĩnh vực có khả năng tạo ra hiệu quả năng suất rõ ràng, như tối ưu hóa quy trình sản xuất, dự báo nhu cầu, quản trị chuỗi cung ứng, kiểm soát chất lượng, tiết kiệm năng lượng và hỗ trợ ra quyết định. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận các giải pháp AI phù hợp với năng lực tài chính và trình độ quản trị.

Bốn là, phát triển đồng bộ hạ tầng số, dữ liệu và năng lực tính toán phục vụ AI. AI muốn trở thành động lực của năng suất phải được đặt trên nền tảng hạ tầng số hiện đại và hệ thống dữ liệu có chất lượng. Đẩy mạnh xây dựng, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp theo nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh và quyền hợp pháp của các chủ thể dữ liệu. Đồng thời, cần phát triển năng lực tính toán, các nền tảng AI và hệ sinh thái công nghệ trong nước, từng bước nâng cao khả năng tự chủ về công nghệ.

Năm là, gắn ứng dụng AI với đổi mới tổ chức lao động và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Hiệu quả của AI không nên được đánh giá chỉ bằng số lượng phần mềm hoặc hệ thống được triển khai. Tiêu chí quan trọng hơn là AI có giúp giảm thời gian lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng giá trị gia tăng và nâng cao năng suất hay không. Doanh nghiệp cần đồng thời đổi mới tổ chức sản xuất, cơ cấu công việc và phương thức quản trị. AI cần được sử dụng để bổ trợ và nâng cao năng lực của người lao động, thay vì chỉ tập trung vào mục tiêu thay thế lao động.

4. Kết luận

AI đang trở thành một trong những động lực công nghệ quan trọng thúc đẩy tăng NSLĐ và đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam. Tuy nhiên, AI không tự động chuyển hóa thành NSLĐ. Hiệu quả của quá trình này phụ thuộc vào năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, sự phát triển của hạ tầng số và dữ liệu, cũng như môi trường thể chế phù hợp. Vì vậy, Việt Nam cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hạ tầng và dữ liệu phục vụ AI, đồng thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ gắn với những bài toán năng suất cụ thể. Qua đó, AI có thể trở thành động lực thực chất, góp phần nâng cao NSLĐ và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Cục Thống kê (2025). Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025, ngày 05/01/2026.

Cục Thống kê (2026a). Thông cáo báo chí tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP giai đoạn 2021 - 2025, ngày 05/01/2026.

Cục Thống kê (2026b). Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025, ngày 05/01/2026.

Cục Thống kê (2026c). Thị trường lao động, việc làm của Việt Nam năm 2025: những điểm sáng và hạn chế. https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/thi-truong-lao-dong-viec-lam-cua-viet-nam-nam-2025-nhung-diem-sang-va-han-che/?utm_source=facebook&utm_medium=social&utm_campaign=thi-truong-lao-dong-viec-lam-cua-viet-nam-nam-2025-nhung-diem-sang-va-han-che, ngày 13/01/2026.

Amazon News (2025). New AWS research shows strong AI adoption momentum in Vietnam. [https://press.aboutamazon.com/aws/2025/9/new-aws-research-shows-strong-ai-adoption-momentum-in-vietnam?](https://press.aboutamazon.com/aws/2025/9/new-aws-research-shows-strong-ai-adoption-momentum-in-vietnam?ref=aws-news) September 17, 2025.

Daron Acemoglu & Pascual Restrepo (2019). Automation and New Tasks: How Technology Displaces and Reinstates Labor. NBER Working paper series, March 2019.

OECD (2024). The impact of Artificial Intelligence on productivity, distribution and growth - Key mechanisms, initial evidence and policy challenges. OECD Artificial Intelligence Papers, 16 April 2024.

OECD (2025). The effects of generative AI on productivity, innovation and entrepreneurship. OECD Artificial Intelligence Papers, 20 June 2025.

World Bank (2025). Digital Progress and Trends Report 2025: Strengthening AI Foundations. International Bank for Reconstruction and Development.